

# LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI Ở HÀN QUỐC

**ĐỖ TRỌNG QUANG\***

Vào những thập kỷ 1960 và 1970, tốc độ sản xuất công nghiệp ở các nước tư bản chủ nghĩa tăng nhanh chóng, thu hút nhân công từ nhiều quốc gia đang phát triển. Hàn Quốc là một trong những nước xuất khẩu lao động sang Hoa Kỳ, Cộng hòa liên bang Đức, Nhật Bản và Trung Đông. Đến những năm 1980, kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng mạnh khiến trong nước cũng thiếu nhân công. Sự khan hiếm lao động đặc biệt tác động đến những doanh nghiệp nhỏ và vừa cần nhiều nhân công, ít ảnh hưởng tới những công ty lớn dựa vào công nghệ, có thể thay thế lao động của con người bằng máy móc. Sự khan hiếm lao động hấp dẫn nhiều người nước ngoài đến kiếm sống, đa số từ Trung Quốc và Đông Nam Á. Một số người trong đó được tuyển dụng bất hợp pháp vào những cơ sở sản xuất nhỏ và bị bóc lột tàn tệ.

Tình hình thiếu thốn nhân công phần nào do kinh tế phát triển, tiền lương tăng nhanh và mức sinh hoạt được cải thiện, nhiều người Hàn Quốc bắt đầu chê bai những công việc họ cho là nặng nhọc, bẩn thỉu và nguy hiểm. Thêm vào đấy là theo truyền thống văn hóa lâu đời, lao động chân tay vốn bị xem thường đã làm trầm trọng thêm nạn khan hiếm nhân công trong sản xuất, khiến chính phủ phải cho phép tuyển dụng lao động từ nước ngoài. Sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997, lượng người từ các nước đến Hàn Quốc tìm việc làm tăng đều đặn.

Nhân công nước ngoài góp phần giải quyết nạn khan hiếm lao động, nhưng sự có mặt họ cũng làm nảy sinh những vấn đề xã hội. Ngoài những người làm việc ở Hàn

Quốc theo hợp đồng ký với tổ chức xuất khẩu lao động, cũng có những kẻ làm ăn phi pháp hoặc tham gia những hoạt động tội ác, thậm chí một số phụ nữ kiếm tiền bằng mại dâm.

Tuy nhiên đối với người làm ăn lương thiện thì một số lại bị đối xử vô nhân đạo, họ bị trả tiền lương chậm, phải làm việc trong những điều kiện lao động khắc nghiệt, thậm chí bị đánh đập, có phụ nữ bị chủ quấy nhiễu tình dục. Nhiều đoàn thể hoặc tổ chức quần chúng Hàn Quốc phản nộ đã lên tiếng bênh vực họ, đấu tranh đòi trả lương đúng hạn, cải thiện điều kiện làm việc, và được tôn trọng về nhân phẩm.

Phải nói rằng trong thời kỳ công nghiệp hóa nhanh chóng, nhân công giá rẻ là một nhân tố quan trọng. Chính nhà cầm quyền Hàn Quốc cũng thừa nhận giá lao động thấp đã tạo cho nước họ một lợi thế tương đối trên thế giới. Trong những năm 1970, lương công nhân Hàn Quốc chỉ bằng một phần mười hai lương công nhân Mỹ. Năm 1987, yêu cầu tăng lương và cải thiện điều kiện lao động được nêu lên. Tiền lương tăng khiến lợi nhuận của doanh nghiệp bị giảm bớt, một số tính chuyện xuất khẩu vốn đến những nước có nhân công giá rẻ, như Trung Quốc, Phi-lip-pin, Indonesia hay Việt Nam. Đồng thời, lao động nước ngoài cũng được nhập khẩu nhiều vào Hàn Quốc.

Trong những năm 1990, số lao động nước ngoài đến Hàn Quốc tăng nhanh chóng khi kinh tế hồi phục. Báo cáo của Văn phòng Thủ tướng năm 2002 cho biết, có khoảng 337.000 người lao động nước ngoài ở Hàn Quốc, trong đó 90% là lao động giản đơn. Đa số người đến đây là lao động bất hợp pháp. Tuy nhân công nước ngoài chỉ bằng 4% tổng số lực lượng lao

\* Nhà xuất bản Thế giới

động Hàn Quốc, nhưng đã đóng góp đáng kể cho các doanh nghiệp nhỏ cần nhiều lao động.

Lao động nước ngoài ở Hàn Quốc được chia làm nhiều loại. Loại thứ nhất chiếm 9,2% tổng số, đó là những chuyên gia, giáo sư, nhà báo, nhà kỹ thuật. Loại thứ hai, gồm 11,9%, là thợ học nghề, chủ yếu được tuyển dụng vào các doanh nghiệp nhỏ hoặc trung bình. Còn lại là lao động bất hợp pháp, chiếm 78,9%, không có giấy phép lao động hợp lệ.

Trừ các chuyên gia phân lớn đến từ Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản, hầu hết lao động được tuyển từ Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh, Philippines, Pakistan, Việt Nam. Họ học nghề ngắn hạn ở các nhà máy dệt, đồ nhựa, lắp ráp cơ khí, phụ tùng ô-tô, và trong những doanh nghiệp nhỏ dưới 60 công nhân. Trong số đó, gần 50% đến từ Trung Quốc, còn lại là người Indonesia, Philippines, Việt Nam, Bangladesh và vài nước khác.

Trong số lao động nhập khẩu vào Hàn Quốc, lao động người Trung Hoa gốc Triều Tiên có lợi thế hơn cả do những điểm gần gũi của họ với Hàn Quốc về ngôn ngữ, địa lý và văn hóa. Họ là hậu duệ đời thứ hai của dân Triều Tiên di cư sang vùng đông-bắc Trung Quốc trong thời gian nước họ là thuộc địa của Nhật Bản.

Năm 1995, ước tính khoảng 90.000 người sống bất hợp pháp, không có thị thực hợp lệ. Đến năm 2002, con số này lên đến 265.848, sinh sống bằng nhiều nghề khác nhau, nhiều người phục vụ ở tiệm ăn hay làm việc ở những xí nghiệp rất nhỏ dưới 10 công nhân. Các cơ sở sản xuất thường tuyển dụng lao động bất hợp pháp từ những người học nghề trốn khỏi nơi làm việc ban đầu để tìm chỗ trả lương cao hơn và đối xử tốt hơn. Gần 60% thợ học nghề trở thành người làm việc bất hợp pháp. Theo thống kê của Bộ Tư pháp Hàn Quốc năm 2002, có 58% số thợ học nghề, tức là 52.000 người trong tổng số 89.000 xe bỏ

hợp đồng để trở thành lao động bất hợp pháp mong kiếm được nhiều tiền hơn.

Một số lớn lao động bất hợp pháp đến Hàn Quốc bằng hộ chiếu du lịch, rồi ở lại sau khi hết hạn thị thực để kiếm việc làm trong một doanh nghiệp, chưa kể một số khác tìm cách đến Hàn Quốc mà chẳng có hộ chiếu hợp lệ, mong kiếm tiền trong vài năm. Trong tổng số thợ học nghề, 59,1% là người Trung Quốc, 6,7% là dân Bangladesh, 6,3% là dân Philippines, 5,5% là người Mông Cổ, và 4,1% là người Việt Nam.

Lao động nước ngoài đến Hàn Quốc để làm việc trong một thời gian nhất định, chứ không cư trú vĩnh viễn. Trong số họ, lương thợ học nghề và lao động không hợp pháp chỉ bằng 50-60% lương công nhân Hàn Quốc năm 1995, nhưng sự chênh lệch được thu hẹp vào năm 2001. Lương lao động nam giới người nước ngoài lúc này bằng 78,7% lương người Hàn Quốc, còn lương nữ giới bằng 87,9% lương đồng nghiệp bản địa, tức là họ kiếm được gấp mấy lần số thu nhập ở nước họ. Thí dụ, một nữ công nhân Philippines ngành may mặc ở Seoul được trả 260 đô-la Mỹ một tháng, cộng với 90 đô-la tiền thưởng, làm thêm mỗi giờ được 1,30 đô-la. Tuy kém xa lương tối thiểu 349 đô-la của đồng nghiệp Hàn Quốc, nhưng vẫn gấp trên ba lần thu nhập ở Philippines.

Tuy kiếm được nhiều tiền hơn lúc ở nhà, nhưng họ thường nhận được lương chậm và phải làm việc nhiều giờ. Lao động nước ngoài làm mỗi tuần trung bình từ 50 đến 60 giờ, trong khi công nhân Hàn Quốc chỉ làm việc 49,2 giờ. Ngoài điều kiện làm việc không tốt, lao động nước ngoài không được hưởng bảo hiểm y tế khi đau ốm, không được bồi thường khi bị tai nạn lao động. Cuối năm 2001, lao động nước ngoài mới được hưởng những quyền cơ bản ghi trong *Luật tiêu chuẩn lao động* và *Chế độ bảo hiểm xã hội* như công nhân Hàn Quốc.

Lao động không hợp pháp còn có thể bị sa thải mà không được trả lương.

Theo điều tra năm 1996, nhiều lao động nước ngoài bị chủ hoặc đồng nghiệp Hàn Quốc chửi mắng hay đánh đập, một số phụ nữ bị lạm dụng tình dục. Lao động người Trung Quốc gốc Triều Tiên cũng bị phân biệt chủng tộc, chứ không phải mang cùng dòng máu với dân bản địa mà được ưu đãi hơn.

Năm 1991, chính phủ Hàn Quốc ban hành *Chế độ thợ học việc* theo yêu cầu của *Liên đoàn các doanh nghiệp nhỏ Hàn Quốc* để đối phó với nạn khan hiếm nhân công từ những năm 1980, đặc biệt ở những doanh nghiệp nhỏ rất cần lao động. Như vậy, chính phủ đã chuyển từ chủ trương đóng cửa sang chính sách mở cửa một phần, và căn cứ vào đó cho phép lao động nước ngoài sinh sống ở đây không quá ba năm, thông qua một tổ chức xuất khẩu lao động.

Theo quy chế, thì lao động nước ngoài là thợ học việc chứ không phải người làm công ăn lương, nhưng trong thực tế thì họ làm việc tại Hàn Quốc như công nhân lương thấp, tuy họ không được phép thành lập nghiệp đoàn. Về sau, số lao động nước ngoài bất hợp pháp tăng nhanh chóng, nên theo đề nghị của công đoàn và các tổ chức quần chúng, *Chế độ thợ học việc* được sửa đổi nhiều, và chính phủ quyết định cho phép những người đó làm việc với tính cách là “công nhân” hay “người làm công ăn lương” sau khi hoàn thành một thời gian học việc.

Cuối những năm 1980, *Liên đoàn các doanh nghiệp nhỏ Hàn Quốc* bắt đầu thảo luận những vấn đề liên quan đến lao động nước ngoài. Mặc dầu *Liên hiệp Công đoàn Hàn Quốc* không muốn lao động nước ngoài cạnh tranh với công nhân trong nước trên thị trường lao động, nhưng chính phủ nước này bắt đầu cho tuyển dụng lao động nước ngoài thông qua *Chế độ thợ học việc*.

Chính phủ chấp nhận lời kêu gọi của *Liên đoàn các doanh nghiệp nhỏ* yêu cầu tăng số lao động nước ngoài và gia hạn cho họ ở lại thêm một năm.

Tuy nhiên, chính phủ vẫn gặp khó khăn vì tình trạng thiếu nhân công ở các doanh nghiệp nhỏ không giảm bớt. Hơn nữa, ngày càng nhiều lao động bất hợp pháp làm rối loạn thị trường lao động và gây ra những vấn đề xã hội không lường trước. Người nước ngoài tiếp tục ở lại để được tuyển dụng bất hợp pháp sau khi thị thực hết hạn, thậm chí ngay đầu thời gian học việc, họ đã tìm cơ hội bỏ trốn để đi làm bất hợp pháp cho các doanh nghiệp trả lương cao hơn.

Thân phận của lao động nước ngoài (cả thợ học việc hợp pháp và lao động bất hợp pháp) bị đối xử tàn tệ đã khiến quần chúng Hàn Quốc bất bình. Nhiều đoàn thể nhân dân và tổ chức tôn giáo đòi chính phủ trừng phạt những chủ chậm trả lương người làm việc hoặc vi phạm nhân quyền. Họ yêu cầu chính phủ thi hành những biện pháp bảo vệ lao động người nước ngoài, và kêu gọi giới chủ cải thiện điều kiện làm việc cho lao động bất hợp pháp.

Cuối năm 2001, nhà cầm quyền Hàn Quốc bắt đầu áp dụng các chính sách đối với cả thợ học việc hợp pháp lẫn lao động bất hợp pháp, tăng thêm số lao động nước ngoài trong khu vực ngư nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc, và phạt lao động bất hợp pháp. Quy chế thợ học nghề cũng được thay đổi, cho phép họ làm việc hai năm sau một năm học nghề. Kết quả là, lao động nước ngoài hợp pháp sẽ được tuyển dụng trong năm 2003 nhiều gấp ba lần so với những năm trước. Lao động nước ngoài được hưởng bảo hiểm y tế, được bồi thường khi xảy ra tai nạn trong lúc làm việc như công nhân Hàn Quốc. Họ phần nào được quyền gia nhập công đoàn và được bãi công.

Những cải cách của chính phủ cho thấy thân phận lao động người nước ngoài đã

được cải thiện. Các chính sách được ban hành vừa cho phép tuyển dụng nhân công từ nước khác, vừa ngăn chặn được lao động bất hợp pháp. Trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997, chính phủ kiểm soát chặt chẽ lao động bất hợp pháp nước ngoài để bảo vệ thị trường lao động không ổn định trong nước lúc đang có những vụ sa thải hàng loạt và nạn thất nghiệp xuất hiện. Kinh tế suy yếu trong thời kỳ này buộc nhiều lao động bất hợp pháp phải rời Hàn Quốc đi kiếm ăn nơi khác.

Nhân công nước ngoài đổ xô trở lại nước này sau khi kinh tế ở đây hồi phục, số lao động bất hợp pháp lại tăng nhiều, nhưng từ bây giờ họ không còn tự do đi kiếm việc làm ở các doanh nghiệp tuyển dụng người thiếu giấy phép lưu trú hợp lệ. Lao động bất hợp pháp có thể bị phạt đến 800 đô-la và bị trục xuất về nước. Năm 2003, chính phủ Hàn Quốc khuyến khích lao động bất hợp pháp rời khỏi nước này bằng cách gia hạn thị thực thêm một năm cho họ nếu những người này tự nguyện khai báo về hoàn cảnh cư trú không hợp lệ của mình. Ngay trước khi luật lệ đó được ban hành, đã có 259.000 lao động bất hợp pháp đến trình diện nhà cầm quyền hồi tháng sáu 2002, trong đó 151.000 là người Trung Quốc, 17.000 là dân Bangladesh, 16.000 là dân Philippines, và 14.000 là người Mông Cổ.

Những chủ doanh nghiệp tuyển dụng lao động bất hợp pháp bị phạt rất nặng, có thể ngồi tù đến ba năm, phải chịu những khoản tiền phạt lớn. Lao động bất hợp pháp phải rời Hàn Quốc trước tháng ba 2003 và theo báo cáo của Văn phòng Thủ tướng, đã có 8.075 lao động bất hợp pháp rời Hàn Quốc sau khi tự nguyện trình diện. Chính phủ thi hành những biện pháp cứng rắn để kiểm soát lao động bất hợp pháp, nhưng nhiều người còn hoài nghi tác dụng của chính sách này.

Nhà cầm quyền phải đương đầu với những khó khăn ở hai mặt mâu thuẫn nhau.

Một mặt, các doanh nghiệp nhỏ vẫn chịu tác động của nạn khan hiếm nhân công và chỉ có thể giải quyết khó khăn của mình nhờ lao động nước ngoài ồ ạt vào Hàn Quốc. Mặt khác, chính phủ muốn bảo vệ thị trường lao động trong nước chống lại sự cạnh tranh của nhân công nước ngoài. Thêm vào đó, nếu cho phép nhập khẩu lao động nước ngoài để giải quyết nạn khan hiếm nhân công, thì chính phủ lại phải đối mặt với sự phản kháng của lực lượng lao động này đấu tranh đòi hưởng điều kiện làm việc tốt và lương bổng không chênh lệch nhiều với nhân công trong nước, ấy là chưa kể sự phản kháng của các tổ chức quần chúng Hàn Quốc yêu cầu bảo vệ nhân quyền cho lao động nước ngoài.

Hiện nay, các khu vực công nghệ cao tăng trưởng nhanh chóng khiến những kiểu khan hiếm nhân công mới lại nảy sinh. *Viện Lao động Hàn Quốc* tiến hành một cuộc khảo sát năm 2000, cho biết 50% doanh nghiệp trả lời phỏng vấn rằng họ rất thiếu chuyên gia công nghệ thông tin cùng những lao động có tay nghề cao khác. Người ta dự đoán rằng trong năm năm tới, phải cần một số lao động có chuyên môn nhiều gấp năm lần số vào Hàn Quốc làm việc, nhất là ở các ngành công nghiệp phần mềm, và trong tình trạng đó, nạn khan hiếm nhân công sẽ rất trầm trọng. Ngoài ra, nhiều giảng viên nước ngoài được tuyển dụng đến làm việc ở các trường đại học, và trong điều kiện giao lưu quốc tế mở rộng, Hàn Quốc cần dùng nhiều thầy giáo dạy ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh. Tóm lại, khi nền kinh tế phát triển, Hàn Quốc không thể không cần đến lao động nước ngoài, nhất là những lao động có chuyên môn cao.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Globalization of the Labor Market: Foreign Labor Issues in Korea* (Korea Labor Institute, 1996)  
*Asian Survey*. March, April 2004.